

Số: *04* /2016/QĐ-UBND

Thái Bình, ngày *18* tháng 6 năm 2016

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định định mức xây dựng và phân bổ dự toán kinh phí  
đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước  
trên địa bàn tỉnh Thái Bình**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân năm 2004;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ Quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 153/TTr-KHCN ngày 12 tháng 5 năm 2016,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định định mức xây dựng và phân bổ dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 10/2007/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình về việc ban hành định mức xây dựng và phân bổ dự toán kinh phí đối với các đề tài, dự án khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ của tỉnh.



**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Báo Thái Bình (để đưa tin);
- Công báo Thái Bình (để công bố);
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KGYX, TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Hồng Diên**

[www.LuatVietnam.vn](http://www.LuatVietnam.vn)



## **QUY ĐỊNH**

### **Định mức xây dựng và phân bổ dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Thái Bình**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 14 /2016/QĐ-UBND ngày 13 tháng 6 năm  
2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)*

## **Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định định mức xây dựng và phân bổ dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ; các hoạt động phục vụ công tác quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của cơ quan có thẩm quyền, gồm: Tiền công ngày cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; mức chi hội thảo khoa học phục vụ hoạt động nghiên cứu; mức chi quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

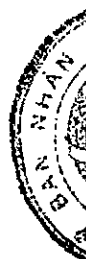
### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ và cơ quan có thẩm quyền phê duyệt các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Thái Bình; các tổ chức, cá nhân thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

### **Điều 3. Nguyên tắc áp dụng định mức xây dựng và phân bổ dự toán**

1. Các định mức xây dựng dự toán quy định tại Quy định này là định mức tối đa, áp dụng đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở. Cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ, các tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ căn cứ vào tính chất và nội dung nhiệm vụ khoa học và công nghệ và nguồn kinh phí được bố trí để quyết định mức chi cho phù hợp.

2. Những nội dung không quy định tại Quy định này thực hiện theo Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.



## Chương II NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

### **Điều 4. Tiền công ngày cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

Dự toán tiền công trực tiếp đối với từng chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được tính theo công thức và định mức sau:

$$Tc = Lcs \times Hsten \times Snc$$

Trong đó:

**Tc:** Dự toán tiền công của chức danh

**Lcs:** Lương cơ sở do Nhà nước quy định

**Snc:** Số ngày công của từng chức danh

**Hsten:** Hệ số tiền công ngày tính theo lương cơ sở của từng chức danh tính theo Bảng dưới đây

STT	Chức danh	Hệ số tiền công theo ngày	
		Nhiệm vụ cấp tỉnh	Nhiệm vụ cấp cơ sở (80% cấp tỉnh)
1	Chủ nhiệm nhiệm vụ	0,63	0,50
2	Thành viên thực hiện chính; thư ký khoa học	0,40	0,32
3	Thành viên	0,20	0,16
4	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	0,12	0,10

### **Điều 5. Dự toán chi hội thảo khoa học phục vụ hoạt động nghiên cứu**

Nội dung và định mức chi hội thảo khoa học phục vụ hoạt động nghiên cứu được xây dựng và thực hiện theo các quy định tại Thông tư số 01/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2010 và Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2010 của Bộ Tài chính. Ngoài ra, Quy định này quy định mức xây dựng dự toán chi thù lao tối đa tham gia hội thảo khoa học như sau:

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khung định mức chi tối đa (1.000 VNĐ)	
			Nhiệm vụ cấp tỉnh	Nhiệm vụ cấp cơ sở
1	Người chủ trì	Buổi hội thảo	900	720

2	Thư ký hội thảo	Buổi hội thảo	300	240
3	Báo cáo viên tại hội thảo	Báo cáo	800	640
4	Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đặt hàng (không trình bày tại hội thảo)	Báo cáo	400	320
5	Thành viên tham gia hội thảo	Buổi hội thảo	150	120

**Điều 6. Một số định mức chi quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

1. Định mức chi hoạt động của các Hội đồng.

a) Chi tiền công

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khung định mức chi tối đa (1.000 VNĐ)	
			Nhiệm vụ cấp tỉnh	Nhiệm vụ cấp cơ sở
1.	<b>Chi tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ</b>			
1.1	Chi họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Hội đồng		
	Chủ tịch hội đồng		700	560
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		560	450
	Thư ký hành chính		250	200
	Đại biểu mời tham dự		150	120
1.2	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng		210	170
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		350	280
2	<b>Chi về tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ</b>			
2.1	Chi họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Hội đồng		

	Chủ tịch hội đồng		1.050	840
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		700	560
	Thư ký hành chính		250	200
	Đại biểu được mời tham dự		150	120
2.2	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng		350	280
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		490	390
<b>3</b>	<b>Chi thẩm định nội dung, tài chính của nhiệm vụ khoa học và công nghệ</b>	Nhiệm vụ		
	Tổ trưởng tổ thẩm định		490	390
	Thành viên tổ thẩm định		350	280
	Thư ký hành chính		250	200
	Đại biểu được mời tham dự		150	120
<b>4</b>	<b>Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ</b>			
4.1	Chi họp Hội đồng nghiệm thu	Nhiệm vụ		
	Chủ tịch hội đồng		1.050	840
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		700	560
	Thư ký hành chính		250	200
	Đại biểu được mời tham dự		150	100
4.2	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng		350	280
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		490	390

b) Các nội dung chi khác được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định hiện hành của pháp luật.

2. Định mức chi cho các Hội đồng khoa học và công nghệ cấp tỉnh khác phục vụ công tác quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ tại địa phương được áp dụng không vượt quá định mức chi cho Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh quy định tại Quy định này.

### **Chương III**

## **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 7. Điều khoản thi hành**

1. Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước thời điểm Quy định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo các quy định hiện hành tại thời điểm phê duyệt.

2. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì được thực hiện theo văn bản mới ban hành.

#### **Điều 8. Trách nhiệm thi hành**

Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan hướng dẫn, tổ chức thực hiện Quy định này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**  
**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Hồng Diên**